

ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

ĐÁNH GIÁ NHANH TÁC ĐỘNG TỚI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PÙ LUÔNG TRONG NĂM NĂM GẦN ĐÂY THÔNG QUA XÂY DỰNG VÀ THỬ NGHIỆM BỘ CÔNG CỤ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ DỰA TRÊN CỘNG ĐỒNG.

1. Thông tin chung

1.1. Tổ chức GRET tại Việt Nam

Được thành lập vào năm 1976, GRET là một tổ chức phi chính phủ phát triển quốc tế, chịu sự điều chỉnh của luật pháp Pháp, hoạt động bao gồm những can thiệp tại thực địa đến những tác động chính sách, với mục đích cung cấp các câu trả lời lâu dài và sáng tạo cho những thách thức về nghèo đói và bất bình đẳng. GRET đã và đang làm việc tại 28 quốc gia với trụ sở chính tại Pháp và 13 văn phòng đại diện quốc gia trên thế giới. Có mặt tại Việt Nam từ năm 1988 với văn phòng đại diện tại Hà Nội, GRET đã phát triển các hình thức hỗ trợ và chuyên môn đa dạng trong lĩnh vực nông nghiệp, các vấn đề dân sinh và dân chủ, quản lý tài nguyên thiên nhiên, quản lý năng lượng và chất thải, v.v. Trong quá trình phát triển lâu dài tại Việt Nam, chuyên môn của các trợ lý kỹ thuật, kiến thức sâu rộng về bối cảnh kinh tế - xã hội và các quy định của địa phương, năng lực điều phối các dự án, kinh nghiệm xuất bản tài liệu tham khảo là những thế mạnh của GRET Việt Nam. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập www.gret.org.

1.2 Tóm tắt bối cảnh vùng dự án

Vùng đệm của Khu bảo tồn Thiên nhiên Pù Luông (KBT) thuộc địa bàn hai huyện miền núi và nghèo Bá Thước và Quan Hóa¹, tỉnh Thanh Hóa (nay là các xã Pù Luông, Cổ Lũng, Phú Lệ, Phú Xuân, Hồi Xuân) là nơi sinh sống của đa số người dân tộc Thái và Mường. Với 17.662 ha, KBT có các khu rừng đóng vai trò phòng hộ quan trọng đang được phục hồi sinh thái và đa dạng sinh học phong phú. Đây là một trong ba khu vực còn lại cuối cùng của hệ sinh thái rừng ở vùng núi đá vôi phía bắc Việt Nam, là nơi có các khu rừng phòng hộ quan trọng để bảo vệ lưu vực sông Mã, một trong ba con sông lớn nhất của Việt Nam. KBT rất giàu đa dạng sinh học, lưu trữ 2.487 loài thuộc 476 họ và 1.329 chi, bao gồm 908 loài động vật và 1.579 loài thực vật. Đáng chú ý, 409 loài thực vật và động vật này được liệt kê trong Sách đỏ Việt Nam và Sách đỏ IUCN.

Khu bảo tồn là nơi sinh sống của khoảng 17.361 người dân tộc thiểu số (số liệu năm 2023) từ 41 thôn trong vùng vùng đệm trải dài ở các xã. Tuy nhiên, phần lớn các cộng đồng tại khu vùng đệm

¹ Huyện Bá Thước và Quan Hóa nằm trong 62 huyện nghèo nhất cả nước, với tỷ lệ nghèo/cận nghèo lần lượt là 54% và 64%, theo Quyết định số 71/QĐ-LĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ngày 19/1/2023.

có tỷ lệ đói nghèo cao², với rất ít hoặc không có đất nông nghiệp. Thu nhập từ lâm sản chiếm một phần quan trọng trong tổng thu nhập của họ (20% đối với thu nhập của hộ trung bình so với tới 60%-80% đối với hộ nghèo). Rừng Pù Luông góp phần cung cấp nguồn thực phẩm, vật liệu nhà ở, nước uống và nước dùng trong nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ, cây dược liệu và dịch vụ văn hóa cho nhiều hộ nghèo. Trong khi Ban quản lý KBT không có đủ nguồn nhân lực để bảo vệ hiệu quả đa dạng sinh học khu bảo tồn thiên nhiên, các biện pháp hỗ trợ phát triển sinh kế của KBT còn chưa nhiều do hạn chế ngân sách, thanh toán từ các dịch vụ môi trường còn thấp, và các cơ hội thu nhập từ các khu rừng sản xuất liên kết với KBT còn hạn chế đã gây trở ngại cho việc tăng cường liên minh chặt chẽ giữa các cộng đồng và Khu bảo tồn Pù Luông trong công tác bảo tồn.

Bảo tồn đa dạng sinh học ở Khu bảo tồn đã trở nên thách thức hơn với du lịch cộng đồng (CBT) đang phát triển nhanh chóng mới được triển khai tại Pù Luông vào năm 2016, mang lại cơ hội tạo thu nhập mới và điều kiện sống tốt hơn cho người dân địa phương³. Tuy nhiên, năng lực và nguồn lực hạn chế đã cản trở người dân tộc thiểu số ở địa phương cạnh tranh hiệu quả với các nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài, được hưởng lợi từ các cơ hội kinh tế phát sinh đồng thời tích cực tham gia vào các hoạt động địa phương. Rủi ro bảo tồn liên quan đến các hoạt động du lịch mới (ô nhiễm rác thải, mất môi trường sống tự nhiên, v.v.) đã cản trở sự phát triển du lịch và đóng góp của du lịch vào việc cải thiện điều kiện sống bền vững của địa phương.

Du lịch dựa vào cộng đồng vừa được ra mắt tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông năm 2016, với lượng khách du lịch hàng năm vào khoảng hơn 50,000 lượt khách, đã mang đến nhiều cơ hội tạo thêm thu nhập mới và do đó giúp cải thiện điều kiện sống tốt hơn cho người dân địa phương. Tuy nhiên, phát triển du lịch cộng đồng bền vững tại Khu bảo tồn Pù Luông còn gặp nhiều thách thức do những khó khăn về cơ sở hạ tầng, hạn chế về sản phẩm và dịch vụ du lịch, năng lực của nguồn nhân lực tại địa phương, các rủi ro bảo tồn có liên quan đến các hoạt động du lịch mới như ô nhiễm chất thải, mất môi trường sống tự nhiên, v.v.

Du lịch cộng đồng được phát triển ở Khu bảo tồn Thiên nhiên Pù Luông từ khoảng năm 2010 và phát triển mạnh từ khoảng năm 2016, với lượng khách du lịch hàng năm vào khoảng 80,000 lượt khách, đã mang đến nhiều cơ hội tạo thêm thu nhập mới và do đó giúp cải thiện điều kiện sống tốt hơn cho người dân địa phương. Tuy nhiên, phát triển du lịch cộng đồng bền vững tại Khu bảo tồn Pù Luông còn gặp nhiều thách thức do những khó khăn về cơ sở hạ tầng, hạn chế về sản phẩm và dịch vụ du lịch, năng lực của nguồn nhân lực tại địa phương, các rủi ro bảo tồn có liên quan đến các hoạt động du lịch mới như ô nhiễm chất thải, mất môi trường sống tự nhiên, v.v

1.2. Thông tin về Dự án EMPOWER

² Theo thống kê của các huyện Bá Thước và Quan Hóa, tỷ lệ 40 - 60%.

³ Lượng khách du lịch đến Bá Thước và Quan Hóa ngày càng tăng đáng kể (lần lượt là 77.199 và 13.000, theo thống kê của hai huyện năm 2022) nhờ cảnh quan đẹp và bản sắc văn hóa.

Tên dự án “Dự án Tăng cường năng lực hành động cho phụ nữ dân tộc thiểu số trong quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông tại Huyện Quan Hoá và Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa - Dự án Pù Luông 2” được Liên minh Châu Âu tài trợ, gồm các hợp phần:

- (1) **Lồng ghép các vấn đề về đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu vào các chiến lược du lịch địa phương:** thí điểm các phiên trao đổi đa tác nhân tại địa phương và mô hình chia sẻ lợi ích bao trùm và có nhạy cảm giới như là một cách thức để tăng cường sự tham gia và tiếp cận tài nguyên thiên nhiên của cộng đồng địa phương xung quanh Khu bảo tồn;
- (2) **Tăng cường hoạt động kinh tế của phụ nữ liên quan đến phát triển bền vững:** thành lập các nhóm phụ nữ hợp tác về du lịch cộng đồng và các chuỗi giá trị, cung cấp dịch vụ và sản phẩm phi lâm nghiệp cho ngành du lịch.
- (3) **Tăng cường năng lực của phụ nữ dân tộc thiểu số để thúc đẩy thực hành tốt hơn về môi trường và giới:** nhóm giáo dục viên thôn bản và truyền thông, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, bảo vệ môi trường và du lịch có trách nhiệm.
- (4) **Xây dựng hệ thống chứng nhận Nhãn xanh nhằm thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm trong du lịch cộng đồng:** thí điểm chứng nhận Nhãn xanh cho các làng du lịch cộng đồng và các dịch vụ trong làng và hỗ trợ các chính sách có liên quan ở cấp địa phương.

Trong khuôn khổ của dự án, một đánh giá nhanh được thực hiện này nhằm cùng Khu bảo tồn (tên KBT) thiết lập dữ liệu ban đầu và xây dựng bộ công cụ để thực hiện đánh giá/theo dõi dựa trên cộng đồng những tác động của các hoạt động sinh kế/phát triển kinh tế địa phương, như khai thác lâm sản ngoài gỗ (LSNG), nông-lâm nghiệp, du lịch cộng đồng..., tới bảo tồn đa dạng sinh học trong khu bảo tồn.

2. Mục đích của nghiên cứu:

2.1. Mục đích

Việc thực hiện đánh giá dựa trên cộng đồng các tác động lên khu bảo tồn trong những năm gần đây và xây dựng bộ công cụ giám sát, đánh giá hàng năm nhằm thiết lập nền tảng dữ liệu ban đầu cho dự án và các bên liên quan làm cơ sở và xác định xu hướng tác động, nguy cơ ảnh hưởng đến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học và sinh kế cộng đồng. Việc xây dựng bộ công cụ cũng nhằm thu thập thông tin hỗ trợ cho Ban quản lý KBT trong công tác quản lý, giám sát, ra quyết định và làm cơ sở xây dựng kế hoạch bảo tồn, hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng trong khu vực vùng đệm.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng bộ công cụ đánh giá đơn giản, dễ sử dụng để, thông qua lắng kính của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động của các hoạt động sinh kế chính tại vùng đệm/lõi của KBT tới công tác bảo tồn trong KBT để có thể sử dụng trong các đánh giá thường kỳ hàng năm

của dự án. Bộ công cụ sẽ được sử dụng để thực hiện đánh giá tác động hàng năm trong khuôn khổ dự án EMPWERING.

- Xác định các nhóm tác động chính ảnh hưởng đến tài nguyên rừng và đa dạng sinh học.
- Đánh giá mức độ, xu hướng và phạm vi tác động và xác định nguyên nhân, các khu vực chịu tác động cao.
- Dựa trên phân tích các phát hiện thu thập được, đưa ra các khuyến nghị cho các bên liên quan và can thiệp của dự án nhằm thúc đẩy các thực hành tốt và giảm thiểu các tác động tiêu cực (nếu có) tới công tác bảo tồn.

3. Phạm vi nghiên cứu

3.1. Phạm vi không gian: Khu vực vùng phục hồi sinh thái, vùng giáp ranh trong KBT, các xã và thôn vùng đệm, các khu vực có nguy cơ tác động cao của KBT.

4. Nội dung thực hiện

Nội dung 1: Xây dựng bộ công cụ giám sát, đánh giá hàng năm

- ✓ Phối hợp cùng Gret và Ban Quản lý KBT lựa chọn một danh sách, bao gồm ít nhất là 3-5 loài đại diện làm loài chỉ báo để thực hiện công tác đánh giá tác động dựa trên cộng đồng. Việc lựa chọn sẽ được thực hiện dựa trên tiêu chí lựa chọn do tư vấn gợi ý và thống nhất cùng Gret/KBT.
- ✓ Xây dựng một bộ công cụ đánh giá (nội dung mô tả như bên dưới) phù hợp với điều kiện thực tế tại KBTTN Pù Luông, đơn giản, dễ áp dụng, phục vụ cho việc theo dõi/đánh giá thường kỳ (hàng năm) tác động của các hoạt động sinh kế chính tại vùng đệm của KBT tới công tác bảo tồn các loài được lựa chọn. Bộ công cụ đảm bảo thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương và các bên có liên quan, có cân nhắc đến các yếu tố giới, tác động của biến đổi khí hậu, đánh giá và thu thập các phản hồi theo lắng kính của cộng đồng trong kết quả đánh giá.
- ✓ Bộ công cụ đảm bảo
- ✓ Bộ công cụ đảm bảo thu thập được các thông cơ sở (nhưng không giới hạn) như:
 - *Bản đồ hoá khu vực thực hiện các hoạt động sinh kế có tác động tới KBT (nếu điều kiện thực tế cho phép)*
 - *Lịch mùa vụ của các hoạt động sinh kế và chu kỳ sinh trưởng của các loài mục tiêu*
 - *Tầm quan trọng kinh tế của các loài so với mức độ rủi ro đối với công tác bảo tồn*
 - *Quan sát trực tiếp như tuyến/địa bàn thực địa thực hiện các hoạt động sinh kế của người dân địa phương*
- ✓ Bộ công cụ bao gồm các biểu như:
 - Bộ chỉ số giám sát;

- Phiếu khảo sát nhanh;
- Biểu mẫu ghi nhận hiện trường;
- Hướng dẫn chấm điểm tác động;
- Bản đồ khu vực nguy cơ cao (nếu có);
- Hướng dẫn tổng hợp và báo cáo hàng năm.

✓ Thử nghiệm bộ công cụ thông qua đánh giá thực địa

Hoàn thiện bộ công cụ kèm hướng dẫn/ghi chú sử dụng bộ công cụ.

Nội dung 2: Tiến hành khảo sát đánh giá và thử nghiệm bộ công cụ tại thực địa

- Thử nghiệm bộ công cụ được xây dựng
 - Khảo sát đánh giá nhanh với sự tham gia của hộ gia đình, nhóm cộng đồng, cán bộ kiểm lâm, cán bộ khu bảo tồn và chính quyền địa phương
 - Quan sát hiện trường, ghi nhận bằng GPS, hình ảnh,.....
- **Nội dung 3:** Báo cáo kết quả đánh giá, trong đó bao gồm:
 - Thông tin cơ bản ban đầu làm cơ sở so sánh cho những đánh giá lần sau
 - Phân tích các thực hành/tác động tích cực/tiêu cực tới công tác bảo tồn
 - Khuyến nghị cho việc thúc đẩy những thực hành tốt và giảm thiểu các tác động tiêu cực (nếu có) tới công tác bảo tồn các loài được lựa chọn

5. Phương pháp luận

Người/ đơn vị nghiên cứu được yêu cầu đề xuất một phương pháp luận chi tiết tích hợp các công cụ tham gia và tham vấn có sự tham gia của các bên liên quan và người hưởng lợi chính của dự án. Phương pháp đề xuất cần bao gồm đánh giá xã hội, tài nguyên rừng và môi trường có sự tham gia của Khu bảo tồn thiên nhiên, sự tham gia và đóng góp của các bên liên quan, bài thuyết trình PowerPoint về các phát hiện chính kèm theo khuyến nghị, bản dự thảo, bộ công cụ đánh giá, giám sát hàng năm và báo cáo cuối cùng.

6. Kết quả dự kiến

- Báo cáo nghiên cứu đánh giá tác động trong 5 năm gần đây;
- Danh mục các tác động chính và khu vực chịu tác động cao;
- Bộ công cụ giám sát, đánh giá tác động hàng năm;
- Bộ phiếu khảo sát và biểu mẫu sử dụng thực tế;
- Khuyến nghị giải pháp quản lý và giảm thiểu tác động.
- Bản đồ khu vực tác động (nếu có thể)

7. Kết quả dự kiến

STT	Công việc dự kiến	Sản phẩm dự kiến	Số ngày dự kiến
1	Khảo sát nhanh thực địa	- Những quan sát nhanh điều kiện thực tế tại thực địa	1

		- Đề xuất hướng thiết kế bộ công cụ	
2	Xây dựng công cụ đánh giá	- Danh sách các loài mục tiêu được thống nhất với Gret và KBT - Dự thảo Bộ công cụ Gret/KBT thông qua, sẵn sàng cho thử nghiệm tại thực địa - Kế hoạch đánh giá thực địa/thử nghiệm bộ công cụ	5
3	Thực hiện đánh giá thực địa	- Kết quả thử nghiệm bộ công cụ - Các phát hiện có liên quan đến đánh giá thực địa các tác động của hoạt động sinh kế chính tại vùng đệm/lõi của KBT tới công tác bảo tồn các loài được lựa chọn trong KBT - Các bên liên quan và cộng đồng địa phương tham gia vào quá trình đánh giá	4
4	Viết báo cáo	01 báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá có bao gồm những nội dung như yêu cầu 01 bộ công cụ đánh giá kèm hướng dẫn/ghi chú sử dụng như yêu cầu	2.5
5	Hoàn thành báo cáo	01 báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá có bao gồm những nội dung như yêu cầu, được Gret/KBT thông qua 01 bộ công cụ đánh giá kèm hướng dẫn/ghi chú sử dụng như yêu cầu, được Gret/KBT thông qua	1.5
	Tổng số		14

8. Yêu cầu đối với tư vấn/chuyên gia

- Có bằng Thạc sĩ trở lên thuộc các chuyên ngành: *Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Đa dạng sinh học, Sinh thái học môi trường*, hoặc *Phát triển nông thôn bền vững*
- Có kinh nghiệm về lĩnh vực bảo tồn dựa vào cộng đồng hoặc phát triển nông thôn; Ưu tiên các chuyên gia có kinh nghiệm làm việc với các khu bảo tồn, vườn quốc gia.
- Có tối thiểu **5 năm kinh nghiệm** trong việc thiết kế các bộ chỉ số, công cụ giám sát & đánh giá dựa vào cộng đồng
- Khả năng lồng ghép yếu tố giới, bình đẳng giới và góc nhìn thích ứng biến đổi khí hậu vào bộ công cụ.

Ứng cử viên phù hợp các tiêu chí và có quan tâm, xin vui lòng gửi đề xuất (bao gồm ngân sách dự kiến) và CV đến gret.vietnam@gret.org và huongtran.vietnam@gret.org trước 17h00 ngày 17/7/2026